

UNIVERSAL DESIGN FOR LEARNING (UDL) APPLICATION IN THE DESIGN OF LEARNING ENVIRONMENTS TO ENSURE EQUITY IN INCLUSIVE PRIMARY EDUCATION

Tran Thi Bich Ngoc^{*1}, Nguyen Ha My²,
and Nguyen Minh Phuong

¹*Faculty of Education Management, Hanoi National University of Education, Hanoi city, Vietnam*

²*Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education, Hanoi city, Vietnam*

^{*}Corresponding author: Tran Thi Bich Ngoc,
e-mail: ngocttb@hnue.edu.vn

Received November 11, 2024.

Revised November 27, 2024.

Accepted December 13, 2024.

Abstract. Universal Design for Learning (UDL) is implemented in inclusive education to ensure equal rights to learning, quality education, appropriate to the needs, characteristics, and abilities of learners; respect for diversity, differences of learners, and non-discrimination. However, there are still barriers to the inclusive learning process, including barriers in the learning environment that cause students with disabilities to encounter different difficulties. This article applies universal design for learning (UDL) in designing learning environments to ensure equity in inclusive education at the primary level, to point out barriers in the learning environment including the physical environment and the psychological environment of inclusive students at the primary level and suggestions for applying UDL in designing physical environments for learning to ensure equity in implementing inclusive education at primary level.

Keywords: equity, inclusive education, learning environment, Universal Design for Learning, primary education.

ỨNG DỤNG THIẾT KẾ PHỔ QUÁT CHO VIỆC HỌC (UDL) TRONG THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG TRONG GIÁO DỤC HÒA NHẬP CẤP TIỂU HỌC

Trần Thị Bích Ngọc^{*1}, Nguyễn Hà My²,
và Nguyễn Minh Phương²

¹*Khoa Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thành phố Hà Nội, Việt Nam*

²*Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

^{*}Tác giả liên hệ: Trần Thị Bích Ngọc,
email: ngocttb@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/11/2024.

Ngày sửa bài: 27/11/2024.

Ngày nhận đăng: 13/12/2024.

Tóm tắt. Thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) được thực hiện trong giáo dục hoà nhập nhằm đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử. Tuy nhiên, vẫn còn những rào cản trong quá trình học hoà nhập, trong đó có vấn đề rào cản về môi trường học tập khiến cho học sinh khuyết tật gặp những khó khăn khác nhau. Bài báo này ứng dụng thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) trong thiết kế môi trường học tập đảm bảo công bằng trong giáo dục hòa nhập cấp tiểu học, nhằm mục đích chỉ ra những rào cản trong môi trường học tập bao gồm môi trường vật chất và môi trường tâm lý của học sinh hòa nhập cấp tiểu học và những gợi ý cho việc ứng dụng UDL trong thiết kế môi trường vật chất cho việc học tập để đảm bảo công bằng trong việc thực hiện giáo dục hòa nhập cấp tiểu học.

Từ khóa: công bằng, giáo dục hoà nhập, môi trường học tập, thiết kế phổ quát cho việc học, tiểu học.

1. Mở đầu

Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning - UDL) là một khung giáo dục nhằm mục đích tạo ra môi trường học tập hòa nhập bằng cách cung cấp nhiều phương tiện, hành động và thể hiện, cũng như sự tham gia cho tất cả học sinh, bất kể phong cách học tập, khả năng hoặc khuyết tật của các em. UDL thừa nhận rằng người học có những điểm mạnh, nhu cầu và sở thích khác nhau, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết kế tài liệu hướng dẫn, phương pháp và đánh giá để người học có thể tiếp cận, hiểu và sử dụng hiệu quả.

Theo UNICEF (2014), UDL cung cấp cho tất cả học sinh cơ hội bình đẳng để học tập trong môi trường hòa nhập thông qua các phương pháp tiếp cận linh hoạt [1]. Trọng tâm của UDL là xóa bỏ rào cản học tập thay vì chỉ dựa vào sự điều chỉnh cho từng cá nhân bằng cách cung cấp nhiều phương tiện thể hiện, UDL cung cấp các cách khác nhau để học sinh nhận thức và hiểu thông tin [1]. Thông qua nhiều phương tiện hành động và thể hiện, UDL cho phép học sinh thể hiện sự hiểu biết và kỹ năng của mình bằng nhiều phương thức khác nhau. UDL cũng thúc đẩy nhiều phương tiện tương tác để học sinh phát huy sự hứng thú và tham gia tích cực vào quá trình học tập của mình [1]. Mục tiêu của UDL là tạo ra một chương trình giáo dục có thể sử dụng hiệu quả, bất kể khả năng, nhu cầu học tập của từng học sinh [2], [3]. Bằng cách xóa bỏ các rào cản về môi trường học tập, UDL đảm bảo tất cả học sinh có thể tiếp cận và tham gia vào quá trình học tập. Nhận thức về rào cản của môi trường học tập diễn ra cùng với việc điều chỉnh nhu cầu và khả năng của từng học sinh để tạo ra các trải nghiệm học tập dễ tiếp cận và dễ điều chỉnh hơn. Chính yếu tố tạo ra một môi trường học tập công bằng thông qua việc xóa bỏ các rào cản khiến UDL trở thành một công cụ hỗ trợ hữu hiệu trong việc chuyển đổi hoàn toàn quá trình giáo dục cho tất cả học sinh [4]. UDL đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu công bằng giáo dục cho học sinh khuyết tật, giúp loại bỏ những rào cản truyền thống mà học sinh khuyết tật thường gặp phải trong môi trường học tập, từ đó tạo điều kiện cho sự tham gia và thành công của tất cả học sinh. UDL không chỉ là một công cụ hỗ trợ học sinh khuyết tật, mà còn là một chiến lược toàn diện nhằm đảm bảo rằng tất cả học sinh đều có thể học tập theo cách phù hợp với nhu cầu và năng lực riêng của mình. Kết hợp UDL với chính sách công bằng giáo dục giúp các nhà giáo dục phát triển những môi trường học tập hòa nhập, nơi mà mọi học sinh, không phân biệt khả năng, có cơ hội tiếp cận và thành công trong học tập. Các nguyên tắc UDL có thể được áp dụng cho nhiều bối cảnh giáo dục khác nhau, bao gồm lớp học truyền thống, môi trường trực tuyến và quá trình học tập kết hợp. Bằng cách kết hợp các nguyên tắc UDL vào thiết kế hướng dẫn, các nhà giáo dục có thể tạo ra những trải nghiệm học tập linh hoạt và dễ tiếp cận, tối đa hóa tiềm năng thành công của tất cả học sinh. UDL cũng hỗ trợ mục tiêu công bằng trong giáo dục bằng cách đảm bảo rằng mọi người học đều có cơ hội bình đẳng để tham gia vào quá trình học tập có ý nghĩa và phát huy được năng lực của bản thân.

Bài báo này nhằm mục đích chỉ ra những rào cản trong môi trường học tập của học sinh hòa nhập cấp tiểu học và những gợi ý cho việc ứng dụng UDL trong thiết kế môi trường học tập để đảm bảo công bằng trong việc thực hiện giáo dục hòa nhập cấp tiểu học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về Thiết kế phổ quát cho việc học

2.1.1. Khái niệm

Ý tưởng về Thiết kế phổ quát được sử dụng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Theo Trung tâm Công nghệ Ứng dụng Đặc biệt tại Hoa Kỳ (Center for Applied Special Technology - CAST), cách tiếp cận Thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) là một tập hợp các nguyên tắc để phát triển chương trình dạy học mang đến cơ hội học tập như nhau cho mọi cá nhân. Theo CAST (2010), UDL là “một khung giáo dục nhằm cải thiện và tối ưu hóa việc dạy và

học cho mọi học sinh dựa trên những hiểu biết khoa học về cách con người học tập” [5].

2.1.2. Nội dung chính của ba nguyên tắc thiết kế phổ quát cho việc học

CAST đưa ra ba nguyên tắc chính của UDL là: 1) *Cung cấp cách trình bày thông tin đa dạng* (Engagement); (2) *Cung cấp nhiều cách tham gia hoạt động và nhiều cách thể hiện cho HS* (Representation); và 3) *Cung cấp đa dạng các cách kích thích sự tham gia của HS* (Action and Expression) [5].

Nguyên tắc 1 cung cấp nhiều cách tiếp cận để trình bày thông tin, nhằm cung cấp các phương thức đa dạng cho học sinh trong việc tiếp thu, xử lý và tích hợp thông tin và kiến thức [6]. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là các học sinh khác nhau trong cách hiểu và tiếp nhận thông tin được cung cấp cho mỗi người. Một số học sinh có thể thấy dễ hiểu hơn khi thông tin được trình bày dưới dạng hình ảnh hoặc âm thanh thay vì dưới dạng văn bản. Sự khác biệt ở học sinh có thể do các rào cản về thính giác, thị giác, ngôn ngữ, văn hóa và khả năng học tập. Do đó, không có một phương thức trình bày tối ưu cho tất cả học sinh, việc cung cấp các lựa chọn về cách trình bày là điều thiết yếu trong các hoạt động học tập [7].

Nguyên tắc 2 cung cấp nhiều cách tiếp cận để hành động và biểu đạt nhằm cung cấp một loạt các chiến lược giảng dạy phù hợp với nhu cầu của học sinh và cung cấp nhiều lựa chọn cho học sinh để thể hiện những gì họ đã quen thuộc từ các hoạt động học tập [3]. Nguyên tắc này cho rằng mỗi học sinh có sự khác nhau trong khả năng tiếp cận môi trường học tập và thể hiện những gì các em biết. Một số học sinh có thể phải thể hiện kiến thức của mình qua viết, nhưng lại không thể phát âm, hoặc ngược lại. Những khác biệt này có thể do học sinh có chức năng thể chất hạn chế hoặc rối loạn vận động, hoặc bị suy giảm chức năng, gặp rào cản về ngôn ngữ, và những học sinh có cách tiếp cận học tập rất khác biệt. Không có hành động và biểu đạt nào sẽ tối ưu cho tất cả người học, do đó, việc cung cấp các lựa chọn về hành động và biểu đạt là rất quan trọng [7].

Nguyên tắc 3 cung cấp nhiều cách tiếp cận để tham gia bao gồm các lựa chọn để hỗ trợ và nâng cao động lực học tập của học sinh [3]. Mayer và các cộng sự (2014) giải thích rằng nguyên tắc này khuyến khích giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh [8]. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là những học sinh có sự khác biệt có thể tham gia hoặc có động lực để học. Có rất nhiều nguyên nhân khác nhau có thể ảnh hưởng đến tình trạng cảm xúc của học sinh. Một số học sinh có thể rất quan tâm đến những điều mới mẻ và dễ thích nghi nhưng có học sinh có xu hướng sợ hãi hoặc có em thích sự lặp lại, có HS thích làm việc một mình, nhưng cũng có những em thích làm việc nhóm. Không có phương pháp dạy học nào huy động được sự tham gia của tất cả người học, vì vậy việc cung cấp các lựa chọn khác nhau để khuyến khích và tăng cường sự quan tâm của học sinh là điều cần thiết [7].

Dựa trên ba nguyên tắc, UDL đã phát triển các hướng dẫn trong việc thiết kế các hoạt động học tập. Hướng dẫn UDL có thể giúp giáo viên thiết kế các hoạt động học tập linh hoạt bằng cách cung cấp nhiều cách tiếp cận khác nhau cho bài học, nhiều phương thức để thể hiện những gì học sinh đã học, và các cách khuyến khích và tăng cường động lực học tập của học sinh [8].

2.2. Môi trường học tập và rào cản trong môi trường học tập của học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp tiểu học

2.2.1. Khái niệm môi trường học tập

Môi trường học tập là nơi diễn ra các hoạt động học tập, do đó có tác động ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiến hành hoạt động và kết quả học tập. Môi trường học tập hiểu đơn giản hơn là tất cả các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến người học như âm thanh, ánh sáng, cơ sở vật chất, phương pháp và hình thức giảng dạy,... Môi trường học tập đóng vai trò quan trọng và góp thêm phần quyết định hành động đến sự tập trung chuyên sâu của người học, mà sự tập trung là một trong các yếu tố quyết định đến hiệu quả, năng suất của việc học.

2.2.2. Cấu trúc và nội dung của môi trường học tập

Có thể xem môi trường học tập theo cách tiếp cận lấy học sinh làm trung tâm, trong đó tinh thần của HS là yếu tố bên trong, các điều kiện cơ sở vật chất là yếu tố bên ngoài.

+Yếu tố bên ngoài (yếu tố vật chất) được hiểu là không gian vật lí dành cho việc học tập. Không gian, môi trường học tập vật lí có thể kể đến (theo cấu trúc từ ngoài vào trong) bao gồm kiến trúc nhà trường, các tòa nhà, sân chơi, hành lang, lớp học, bàn ghế, chỗ di chuyển đi lại, các thiết bị, đồ dùng dạy và học. Không gian này cũng tính tới không gian vật lí thực và không gian ảo, khi HS học tập thông qua các phương tiện công nghệ hiện đại và thời đại công nghệ số.

+ Yếu tố bên trong (yếu tố tinh thần) bao gồm các yếu tố tâm lí như động cơ, mục đích, nhu cầu, hứng thú, tính tích cực của người học, cũng bao gồm phong cách, phương pháp giảng dạy của GV (nếu có) trong môi trường học tập cũng sẽ tác động đến HS. Các yếu tố tinh thần của môi trường học tập có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến việc học tập của cá nhân.

Các yếu tố của môi trường vật chất trong nhà trường gồm:

Môi trường vật chất trong lớp học: Môi trường này cần đảm bảo các yêu cầu về âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, đồ dùng dạy học để thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học tập, sự phù hợp giữa cấu trúc không gian và tổ chức các hoạt động như sự sắp xếp bàn ghế học tập của học sinh, bàn giáo viên, vị trí ngồi học của học sinh khuyết tật theo sự tương tác của giáo viên với học sinh và giữa các học sinh với nhau,...

Môi trường vật chất ngoài lớp học trong nhà trường: Tương tự như môi trường lớp học, môi trường ngoài lớp học cần đảm bảo sự phù hợp giữa cấu trúc không gian và tổ chức hoạt động như kết cấu khung cảnh chung nhà trường, đường đi, khu vực vui chơi, khu vực dành cho các hoạt động tập thể, hoạt động thể thao,... Xây dựng kết cấu của môi trường ngoài lớp học có tường rào bảo vệ, tránh vật cản, hệ thống lắp đặt về điện,... đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc hoạt động của mọi học sinh. Nhà trường cũng cần có hệ thống nước sạch, khu vệ sinh đúng quy cách,...

Môi trường tâm lí là môi trường trong đó diễn ra sự tương tác về tâm lí, tình cảm giữa học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên, giáo viên với giáo viên, học sinh với môi trường vật chất, đồng thời là nơi diễn ra quá trình thông nhất giáo dục giữa các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, giữa nhà trường và các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường.

Theo nghiên cứu của Samuel A.Kirk và cộng sự (2000) khi phân tích ảnh hưởng của môi trường hòa nhập nói chung và môi trường lớp học hòa nhập nói riêng, về phương diện tích cực thì môi trường hòa nhập tạo cơ hội cho học sinh khuyết tật: 1) Được tương tác, giao tiếp với bạn bè; 2) Có những mẫu hành vi tích cực trong học tập và hoạt động khác; 3) Học tập lẫn nhau: Không chỉ HSKT học được từ bạn bè mà ngược lại, các học sinh khác lại học tập được từ hoạt động giúp đỡ HSKT, tạo nên động cơ học tập và phấn đấu của mình; 4) Được chấp nhận là thành viên của nhóm, tập thể lớp học; 5) Tạo sự thay đổi tích cực về nhận thức và thái độ của những học sinh khác, tạo tiền đề để HSKT hòa nhập cuộc sống cộng đồng sau này [9].

Môi trường học tập có thể hỗ trợ các hoạt động học tập đa dạng và cung cấp trải nghiệm học tập phong phú cho tất cả các HS. Nói cách khác, không gian và môi trường học tập cũng là một nguồn kích thích tạo ra các cơ hội trải nghiệm đa dạng cho HS.

2.2.2. Các rào cản về môi trường học tập của học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp tiểu học

Quy định về GDHN đối với người khuyết tật theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT đã chỉ rõ một trong các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập là: “Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện, đảm bảo người khuyết tật được tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác và được tham gia bình đẳng trong mọi hoạt động giáo dục”; “Cơ sở giáo dục đảm bảo các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. Khuyến khích cơ sở giáo dục phối hợp với tổ chức, cá nhân thiết kế và sản xuất thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học, đồ chơi cho người khuyết tật” [10].

Tuy nhiên, thực tế triển khai GDHN còn nhiều khó khăn, thách thức, trong đó rào cản về môi

trường học tập là một trong những thách thức làm hạn chế sự tham gia của học sinh khuyết tật, ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh. Các rào cản về môi trường học tập của học sinh khuyết tật đến từ những khó khăn của học sinh khuyết tật, bao gồm:

Đối với rào cản về môi trường vật chất, hiện chưa đảm bảo điều kiện về âm thanh, ánh sáng để học sinh khuyết tật dễ dàng tiếp nhận thông tin: Các lớp học thường có nhiều tiếng ồn từ môi trường xung quanh (VD: tiếng ồn phát ra từ quạt, điều hoà, từ bên ngoài qua cửa sổ, âm thanh vang dội trong phòng...). Thiết kế môi trường chưa chú trọng đến độ tương phản màu sắc giữa sàn, trần và tường cũng như khả năng mở rộng tầm quan sát và các phương tiện báo hiệu bằng ánh sáng. Các công trình công cộng trong nhà trường chưa được trang bị công tắc đèn liên thông trong và ngoài phòng dùng để gọi và báo tin. Không gian vật chất trong nhà trường chưa được bố trí thuận tiện để học sinh có thể di chuyển tự do và an toàn (đặc biệt là đối với học sinh khiếm thị, học sinh khuyết tật vận động). Các trường tiểu học hoà nhập hầu hết đều chưa có những trang thiết bị đặc thù để hỗ trợ dạy học cho học sinh khuyết tật như giá đọc sách, sách chữ nổi cho học sinh khiếm thị; sách dạy phát âm và ngôn ngữ ký hiệu, tranh ảnh, biểu tượng hỗ trợ giao tiếp cho học sinh khiếm thính/RLPTK...

Đối với những rào cản về môi trường tâm lí, Samuel A. Kirk và cộng sự (2000) cho rằng mặc dù môi trường hòa nhập có thể tạo ra sự thay đổi trong lớp học để HSKT, những HS khác và giáo viên có được những trải nghiệm mang tính xây dựng và tích cực, song chỉ có rất ít giáo viên có được kiến thức, kĩ năng xây dựng và tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường hòa nhập. Ngoài ra, việc ứng dụng dạy học hợp tác, học tranh đua và học cá nhân trong GDHN đòi hỏi giáo viên cần phải có kĩ năng cao và sự cẩn trọng trong lựa chọn nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức để mọi học sinh đều có cơ hội tham gia và không bị loại trừ. Nếu giáo viên không khéo tổ chức môi trường học tập, có thể học sinh khuyết tật sẽ ngày càng tự ti, mặc cảm, cảm thấy lạc lõng và thậm chí sợ phải đi học [9].

Một số nghiên cứu đã cho thấy rằng học sinh khuyết tật học hòa nhập có vấn đề về việc tự khẳng định bản thân, cân bằng về cảm xúc và xây dựng quan hệ với các học sinh không khuyết tật [11], [12]. Thực tế tại các trường tiểu học hòa nhập hiện nay, học sinh thường có hiện tượng chia nhóm bạn, những học sinh ít có năng lực hoặc có đặc điểm cá nhân trong đó có học sinh khuyết tật thường ít được kết bạn hơn. Học sinh có thành tích cao cũng thường nhận được sự quan tâm và khen thưởng thường xuyên của GV và là biểu tượng ngưỡng mộ, trung tâm chú ý của các thành viên trong trường học. Ngược lại, những học sinh ít có năng lực, học sinh khuyết tật có ít cơ hội nhận được sự quan tâm, khuyến khích và kì vọng nên các HS này thường thể hiện thái độ thiếu tự tin hoặc mất hứng thú với các hoạt động trong trường học. HS khuyết tật cũng xuất hiện trạng thái thu mình hoặc tách biệt. Hiện tượng này nếu để lâu sẽ dẫn đến kết quả HS khuyết tật thất bại khi tham gia vào mọi hoạt động.

2.3. Vấn đề công bằng trong giáo dục hoà nhập

Giáo dục hòa nhập vừa là mục tiêu giáo dục vừa là phương pháp luận, triết lí và khuôn khổ pháp lí, quyền, phương tiện để thực hiện tất cả các quyền khác và nghĩa vụ đạo đức. Nó đòi hỏi các luật, chính sách và thực tiễn mới và mang tính chuyển đổi, đặt câu hỏi về hiện trạng và dỡ bỏ các rào cản hiện có.

Công bằng giáo dục là khái niệm liên quan đến việc tạo ra các điều kiện học tập mà mọi học sinh, bất kể hoàn cảnh cá nhân, địa lí, hoặc khả năng học tập, đều có cơ hội phát triển tiềm năng của mình. Nghiên cứu trước đây đã xác định rằng công bằng trong giáo dục không chỉ đảm bảo quyền tiếp cận mà còn tập trung vào chất lượng giáo dục mà học sinh nhận được. Đối với học sinh khuyết tật, điều này có nghĩa là cung cấp những dịch vụ hỗ trợ và môi trường học tập thích hợp, giúp họ phát triển kĩ năng học tập một cách bình đẳng với các học sinh không khuyết tật [13].

Đảm bảo công bằng trong giáo dục tiểu học cho trẻ khuyết tật có ý nghĩa sâu sắc trong việc tạo ra môi trường học tập không chỉ là nơi học tập mà còn là môi trường phát triển toàn diện, thúc đẩy

các kỹ năng xã hội, cảm xúc và nhận thức của trẻ. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng khi học sinh khuyết tật nhận được hỗ trợ phù hợp, họ có khả năng đạt được những thành tựu tương đương với các bạn đồng trang lứa, đồng thời phát triển tự tin hơn trong việc tham gia vào môi trường xã hội chung.

Trong cuốn “Equity and Inclusive education” (2010) đã đưa ra hướng dẫn được phát triển để hỗ trợ việc lồng ghép các vấn đề về công bằng và hòa nhập vào các kế hoạch của ngành giáo dục trong khi được phát triển, sửa đổi hoặc đánh giá. Trong đó đưa ra các rào cản cần gỡ bỏ để đảm bảo công bằng trong GDHN bao gồm Rào cản xã hội, rào cản trường học và rào cản về môi trường cơ sở vật chất [14].

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những khoảng cách về GDHN cho việc đảm bảo sự công bằng trong giáo dục cho trẻ khuyết tật. Một phân tích so sánh về tỉ lệ nhập học, hoàn thành giáo dục tiểu học, hoàn thành giáo dục trung học và khả năng đọc viết ở 19 quốc gia (Chata & Wodon, 2017) [15] chỉ ra rằng, mặc dù tỉ lệ hoàn thành giáo dục tiểu học ở cả hai nhóm trẻ em đều tăng nhưng mức tăng ở trẻ em lại nhỏ hơn nhiều. khuyết tật - một hiện tượng có lẽ liên quan đến “khoảng cách khuyết tật và phát triển” (Groce & Kett, 2013) [16]. Nghiên cứu khẳng định kết quả nghiên cứu của Viện Thống kê UNESCO (2017), nhiều trẻ khuyết tật không bao giờ được đến trường và số trẻ khuyết tật phải nghỉ học ngày càng tăng [13]. Chỉ 56% trẻ em khuyết tật học xong tiểu học ở Campuchia, Colombia, Gambia, Maldives và Uganda, so với 73% trẻ em không khuyết tật [16]. Tỉ lệ hoàn thành chương trình trung học của trẻ khuyết tật cũng thấp hơn nhiều so với trẻ không khuyết tật và khoảng cách về trình độ đọc viết giữa hai nhóm ngày càng tăng theo thời gian.

Đối với Việt Nam, khi chương trình GDPT 2018 đòi hỏi đặt ra những yêu cầu mới, tích cực, tập trung người học, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực HS thì việc áp dụng thiết kế phổ quát cho việc học trong giáo dục hoà nhập là cách làm hoà nhập để việc thực hiện giáo dục hoà nhập có thể tiến hành bài bản, hệ thống mang đến sự bình đẳng trong học tập cho mọi trẻ em dù là khuyết tật hay không khuyết tật [17].

Nhóm tác giả Trần Thị Bích Ngọc, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Hà My (2020) cũng đã cho rằng việc thực hiện thiết kế phổ quát cho việc học cũng được xem như một cách tiếp cận hiệu quả trong việc thực hiện hỗ trợ học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong các cơ sở giáo dục hoà nhập [18].

2.4. Một số gợi ý ứng dụng thiết kế phổ quát cho việc học trong thiết kế môi trường học tập đảm bảo công bằng trong giáo dục hòa nhập cấp tiểu học

CAST (2014) đã khẳng định rằng UDL cung cấp nhiều phương pháp để tiếp cận thông tin, thể hiện kiến thức và tham gia học tập do vậy, đảm bảo tính linh hoạt trong thiết kế môi trường học tập, giúp mọi học sinh đều có thể thành công bất kể nhu cầu học tập cá nhân [7]. Rappolt-Schlichtmann, Daley, & Rose (2012) phát hiện ra rằng các lớp học áp dụng UDL không chỉ tăng cường sự tham gia của học sinh khuyết tật mà còn giúp học sinh phát triển các kỹ năng tự lập và tự chủ, từ đó tạo ra sự công bằng trong học tập [19]. Courey, Tappe, Siker, & LePage (2012) đã chứng minh rằng khi giáo viên lập kế hoạch giảng dạy theo khung UDL, họ có thể đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của học sinh, bao gồm cả những học sinh có khó khăn về học tập [20]. Meyer, Rose, & Gordon (2014) nhấn mạnh rằng UDL tạo ra một khuôn khổ giáo dục linh hoạt, xóa bỏ rào cản giúp giải quyết nhu cầu đa dạng của học sinh trong một lớp học hòa nhập [7].

Trong các nguyên tắc của UDL, môi trường học tập (cơ sở vật chất) được xem là một nguồn học tập cung cấp trải nghiệm. Thiết kế phổ quát đảm bảo môi trường học tập hòa nhập nhằm hỗ trợ tất cả học sinh phát triển tối đa khả năng của mình. Khi áp dụng UDL, giáo dục trở nên linh hoạt hơn, tôn trọng sự đa dạng và đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng học sinh trong trường tiểu học. Tuy nhiên trong phần nội dung này chủ yếu gợi ý một số ứng dụng UDL trong thiết kế môi trường vật chất để đảm bảo cho việc học tập công bằng của học sinh khuyết tật.

Đối với môi trường vật chất trong các trường tiểu học, cần đảm bảo môi trường an toàn, để

tiếp cận cho mọi đối tượng học sinh ở các khối lớp và giảm các rào cản vật lí có thể gây ảnh hưởng đến sự tham gia của học sinh tại trường. Do đó, không gian trường và lớp học ứng dụng thiết kế này cần được thiết kế hoặc điều chỉnh một cách linh hoạt và dễ tiếp cận để đảm bảo công bằng cho học sinh khuyết tật trong quá trình học tập và sinh hoạt ở trường.

Trường tiểu học bao gồm các khu vực như lớp học, sân chơi, hành lang, cầu thang, có bàn, ghế, phấn bảng... Các khu vực này sẽ được thiết lập thành các không gian học tập thúc đẩy việc học của tất cả học sinh và đảm bảo triển khai UDL trong toàn trường. Việc thiết kế môi trường trường lớp theo nguyên tắc của UDL sẽ giúp học sinh có điều kiện học tập công bằng, toàn diện, giải quyết được sự khác biệt và rào cản trong quá trình học tập. Lớp học có thể được sắp xếp không gian đa dạng với nhiều khu vực học tập trong lớp để phục vụ các nhu cầu khác nhau. Ví dụ, có thể có khu vực cho học tập cá nhân, khu vực học tập theo nhóm, và khu vực yên tĩnh cho học sinh cần không gian riêng tư. Sử dụng bàn ghế có thể dễ dàng di chuyển và điều chỉnh độ cao để phù hợp với chiều cao và nhu cầu cá nhân của từng học sinh. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động học tập khác nhau, đồng thời giúp học sinh có thể tương tác tốt hơn với không gian xung quanh. Thiết kế lớp học và các khu vực chung trong trường với lối đi rộng, không bị cản trở để các học sinh khuyết tật có thể di chuyển dễ dàng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các em học sinh sử dụng xe lăn, nạng, hoặc các công cụ hỗ trợ di chuyển. Đảm bảo tất cả các khu vực trong trường, bao gồm phòng học, thư viện, nhà ăn, và sân chơi, đều có thể tiếp cận được thông qua thang máy hoặc ram dốc nếu trường có nhiều tầng. Sử dụng ánh sáng tự nhiên nhiều nhất có thể và trang bị đèn chiếu sáng có thể điều chỉnh để tránh gây chói mắt hoặc mỏi mắt cho học sinh. Ánh sáng tốt giúp học sinh có thể đọc và làm bài tập một cách dễ dàng hơn, đặc biệt là những học sinh có vấn đề về thị lực. Hệ thống âm thanh rõ ràng và cách âm tốt với những trang bị hệ thống âm thanh để đảm bảo học sinh ở mọi góc lớp đều có thể nghe rõ giáo viên giảng bài. Ngoài ra, cách âm tốt giữa các phòng học giúp giảm thiểu tiếng ồn từ bên ngoài, tạo không gian học tập yên tĩnh và tập trung cho học sinh: Trang bị hệ thống âm thanh để đảm bảo học sinh ở mọi góc lớp đều có thể nghe rõ giáo viên giảng bài. Ngoài ra, cách âm tốt giữa các phòng học giúp giảm thiểu tiếng ồn từ bên ngoài, tạo không gian học tập yên tĩnh và tập trung cho học sinh. Nếu có thể Trang bị bảng thông minh, máy chiếu hoặc các thiết bị công nghệ khác để giúp học sinh dễ dàng tiếp cận thông tin. Công nghệ này hỗ trợ học sinh gặp khó khăn về đọc viết, nghe nhìn hoặc các khuyết tật khác trong quá trình học tập. Sử dụng màu sắc nhẹ nhàng, dễ chịu cho không gian lớp học để tạo cảm giác thoải mái. Màu sắc cũng có thể được sử dụng để phân chia không gian hoặc hướng dẫn học sinh di chuyển trong trường. Sử dụng các biển chỉ dẫn dễ hiểu, bao gồm cả chữ viết và hình ảnh, để giúp học sinh dễ dàng tìm đường trong trường. Những biển chỉ dẫn này đặc biệt hữu ích cho học sinh gặp khó khăn trong việc đọc hoặc học sinh khuyết tật về trí tuệ. Thiết kế sân chơi và khu vực nghỉ ngơi có thiết bị an toàn và phù hợp cho mọi học sinh, bao gồm cả học sinh khuyết tật. Các trò chơi ngoài trời nên được thiết kế để học sinh có thể chơi cùng nhau mà không bị giới hạn bởi khả năng thể chất. Tạo một khu vực nghỉ ngơi yên tĩnh, nơi học sinh có thể thư giãn và lấy lại năng lượng, đặc biệt là với những học sinh cần môi trường ít kích thích. Ngoài ra, có thể thiết kế một không gian học tập ngoài trời như khu vườn hoặc khu vực có cây xanh, nơi học sinh có thể tham gia vào các hoạt động thực hành, học hỏi từ môi trường tự nhiên. Học tập ngoài trời không chỉ giúp tăng cường sự sáng tạo mà còn thúc đẩy sự tương tác xã hội và học tập đa giác quan. Trang trí lớp học bằng các biểu tượng, hình ảnh, hoặc tác phẩm nghệ thuật phản ánh sự đa dạng về văn hóa, sắc tộc và xuất thân. Điều này giúp học sinh cảm thấy được tôn trọng và khuyến khích sự học hỏi.

Khi ứng dụng UDL với mỗi môn học, chủ đề hay bài học, GV có thể lựa chọn môi trường linh hoạt trong trường, bên trong hoặc bên ngoài lớp học. Ngoài những thiết bị, đồ dùng dạy học thường sử dụng trong bài học, GV có thể thiết kế và cung cấp thêm các đồ dùng, thiết bị cho phù hợp với đặc điểm môn học và nhu cầu khác nhau của tất cả học sinh để đảm bảo học sinh khuyết tật có cơ hội được tham gia học tập một cách tối đa. Hiện nay, việc sử dụng các ứng dụng học tập như phần mềm đọc văn bản, trò chơi giáo dục, hoặc các công cụ học tập trực tuyến giúp học sinh

học tập theo tốc độ và cách học riêng, đáp ứng nhu cầu riêng cá nhân học sinh. Hơn thế nữa, GV cũng có thể cung cấp tài liệu học tập phù hợp với mọi đối tượng học sinh, bao gồm sách in lớn, sách nói, hoặc các tài liệu đa ngôn ngữ để phục vụ cho học sinh đến từ các hoàn cảnh khác nhau. Trong những giờ học có thể thay đổi được các hoạt động, GV có thể tạo ra những khoảng thời gian ngắn cho học sinh di chuyển và thay đổi trạng thái, giúp các em thoải mái hơn và cải thiện khả năng tập trung. Ví dụ, các hoạt động vận động nhẹ nhàng như bài tập thể dục giữa giờ, hoặc đơn giản là cho phép học sinh thay đổi chỗ ngồi.

3. Kết luận

Thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) nhằm tạo ra môi trường học tập có thể tiếp cận được cho mọi học sinh, bất kể nhu cầu học tập khác nhau. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng UDL là một chiến lược chủ đạo để đảm bảo sự công bằng trong giáo dục hòa nhập. UDL đã được áp dụng rộng rãi trong giáo dục hòa nhập, giúp giảm sự phân biệt giữa học sinh khuyết tật và không khuyết tật. Điều này tạo điều kiện cho mọi học sinh, đặc biệt là học sinh khuyết tật, tham gia vào quá trình học tập mà không cảm thấy bị cô lập hoặc không được hỗ trợ đúng mức. Bằng cách áp dụng UDL, các trường học có thể xây dựng một môi trường học tập mà ở đó sự đa dạng về khả năng học tập được chấp nhận và tôn vinh, giúp học sinh khuyết tật học tập và phát triển song song với các HS không khuyết tật.

Môi trường học tập có thể hỗ trợ các hoạt động học tập đa dạng và cung cấp trải nghiệm học tập phong phú cho tất cả các HS, có những yếu tố từ môi trường bên trong và môi trường bên ngoài có tác động và ảnh hưởng tới việc học tập của học sinh. Những rào cản đến từ môi trường bên trong và bên ngoài có thể là do những rào cản của cơ sở vật chất, thiết bị, bố trí không gian và cấu trúc lớp học. Những rào cản này làm cản trở việc đảm bảo công bằng trong tiếp cận cho học sinh khuyết tật nói chung và HS tiểu học nói riêng. Để giải quyết vấn đề này, có thể sử dụng thiết kế phổ quát cho việc học để đảm bảo người học khuyết tật nhất là học sinh khuyết tật cấp tiểu học vừa tiếp cận hiệu quả vào giáo dục, lại vừa giúp xóa bỏ các rào cản trong các nhà trường để đảm bảo sự công bằng trong giáo dục và tiếp cận nền GD có chất lượng. Do vậy, những gợi ý trong việc ứng dụng UDL để xây dựng môi trường học tập cho học sinh khuyết tật cấp tiểu học, cụ thể là môi trường vật chất cho việc học tập được xem xét bao gồm: bố trí không gian, điều chỉnh môi trường học tập và thực hiện các biện pháp giảm các rào cản vật lý bằng cách sử dụng các quy tắc được hướng dẫn theo Khung thiết kế phổ quát cho việc học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UNICEF, (2014). Access to School and the Learning Environment II – Universal Design for Learning – Webinar 11 – Companion Technical Booklet.
- [2] Rose DH & Meyer A, (2006). *A practical reader in universal design for learning*. In Harvard Education Press. Harvard Education Press.
- [3] Hall TE, Meyer A & Rose DH, (2012). *Universal Design for Learning in the classroom: Practical applications*. Guilford Press.
- [4] Venkatesh K, (2015). *Universal design for learning as a framework for social justice: A multi-case analysis of undergraduate pre-service teachers* [Dissertation, Boston College]. <http://hdl.handle.net/2345/bc-ir:104147>.
- [5] Rose DH & Gravel JW, (2010). *Universal design for learning*. In E. Baker, P. Peterson, & B. McGaw (Eds.). International Encyclopedia of Education, 3rd Ed. Oxford: Elsevier.
- [6] CAST: About Universal Design for Learning, (2020). CAST: About Universal Design for Learning. http://www.cast.org/our-work/about-udl.html?utm_source=udlguidelines&utm_medium=web&utm_campaign=none&utm_content=homepage.

- [7] CAST, (2014). *The Three Principles of UDL*. Retrieved July 1, 2018, from <http://www.udlcenter.org/aboutudl/whatisudl/3principles>.
- [8] Meyer A, Rose DH & Gordon D, (2014). *Universal design for learning: Theory and Practice*. Wakefield, MA: CAST Professional Publishing.
- [9] Samuel A, Kirk AS, Gallagher JJ & Anastaslow JN, (2000), *Educating Exceptional Children*. Houghton Mifflin Company, 9th Edition.
- [10] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật.
- [11] Kluwin T & Stinson MS, (1993). *Deaf students in local public high schools: Backgrounds, experiences, and outcomes*. Spring- field: Charles. C. Thomas.
- [12] Stinson MS & Liu Y, (1999). Participation of Deaf and hard-of-hearing students in classes with hearing students, *Journal of Deaf Studies and Deaf Education*, 4(3), 191–202.
- [13] UNESCO, (2017). *A Guide for Ensuring Inclusion and Equity in Education*, <https://doi.org/10.54675/MHHZ2237>.
- [14] UNGEI, (2010). *Equity and inclusive education – a guide to support education sector plan preparation, revision, and appraisal, fast track initiative*, EFA FTI secretariat; <https://www.globalpartnership.org/sites/default/files/2010-04-gpe-equity-and-inclusion-guide.pdf>.
- [15] Chata & Wodon, (2017). *The price of exclusion: disability and education, disability gaps in educational attainment and literacy*. Global Partnership for Education, World Bank.
- [16] Groce & Kett, (2013). *The Disability and Development Gap*, Leonard Cheshire Disability and Inclusive Development Centre.
- [17] NTC Hường, PT Trang, BTH Vân & NH Yên, (2022). Thiết kế phổ dụng trong học tập: Giải pháp thực hiện giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật. *Tạp chí Giáo dục*, 22 (10), 29-34
- [18] Tran TBN, Nguyen MP, Nguyen HM, (5/2020). Universal design for learning: an approach to support students with special needs in inclusive setting. *HNUE Journal of Science*, ISSN 2354-1075, 65(4B), 137-144.
- [19] Rappolt-Schlichtmann, Daley & Rose, (2012). *A Research Reader "in" Universal Design for Learning*. Harvard Education Press (Book).
- [20] Courey S, Tappe P, Siker J & Lepage P, (2012). Improved Lesson Planning with Universal Design for Learning (UDL). *Teacher Education and Special Education*, 36, 7-27. <https://doi.org/10.1177/0888406412446178>.